| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN PHONG**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2022/DSST
Ngày: 25/5/2022
*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Xuân Hà.

*Các hội thẩm dân nhân*: Ông Nghiêm Đình Chế.

Bà Nguyễn Thị Hà.

*Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 171/2021/TLST–DS ngày 26/11/2021 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐST-DS ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP H H Việt Nam (MSB).

Địa chỉ: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H L; Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đ Q, chức vụ: TGĐ NHQLTD.
- Đại diện theo ủy quyền lại:

+ Bà Trần T P T, sinh năm 1982; Chức vụ: Chuyên viên cao cấp – Phòng Tố tụng – NH.QLTD (có mặt).

+ Bà Nguyễn T V, sinh năm 1978; Chức vụ: Trưởng nhóm tố tụng - Phòng Tố tụng – NH.QLTD.

**Bị đơn**: Ông Nguyễn V C, sinh năm 1980 và bà Trương T N, sinh năm 1982 (đều vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn V C và bà Trương T N vay vốn của Ngân hàng TMCP H H Việt Nam (MSB) theo quá trình ký kết Hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 10/08/2019, ông Nguyễn V C đã ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP H H Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Hồ Gươm – Phòng giao dịch Quán Thánh với nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn hiệu lực: Là khoảng thời gian được tính kể từ ngày Ngân hàng TMCP H H Việt Nam cấp hạn mức tín dụng cho Chủ thẻ đến ngày đến hạn cuối cùng hoặc khi Thẻ hết hạn, tùy theo điều kiện nào đến trước; Mục đích sử dụng vốn: Theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và nước sở tại nơi Chủ Thẻ phát sinh giao dịch. Lãi suất: Được áp dụng theo Biểu lãi suất được Ngân hàng TMCP H H Việt Nam công bố niêm yết tại quầy giao dịch và thông báo trên wedsite của Ngân hàng TMCP H H Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng. Lãi suất trên Biểu lãi được xác định dựa trên lãi suất tham chiếu, chi phí vốn huy động, chi phí vận hành, rủi ro thị trường. Lãi suất quá hạn: Là lãi suất cố định được tính bằng 145% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời điểm chuyển nợ quá hạn là thời điểm Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu sau 04 kỳ liên tiếp tại thời điểm hết hạn. Điều chỉnh lãi suất: Ngân hàng TMCP H H Việt Nam được quyền chủ động điều chỉnh lãi suất cho phù hợp với các quy định của pháp luật và chính sách tín dụng của Ngân hàng TMCP H H Việt Nam.

Ngày 25/09/2019 ông Nguyễn V C và bà Trương T N đó ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn cùng trả nợ Ngân hàng, có xác nhận của MSB.

Ngày 25/09/2019, ông Nguyễn V C đã ký Hợp đồng cho vay số: QTH2509-01/2019/HĐCV và ngày 26/09/2019 đã ký Hợp đồng cho vay số: QTH2609/2019/HĐCV với Ngân hàng TMCP H H Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Hà Nội – Phòng giao dịch Quán Thánh, hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho ông Nguyễn V C vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

***Hợp đồng cho vay số: QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019 có nội dung:*** Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng chẵn);* Thời hạn vay: 120 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Hoàn ứng vốn xây nhà tại thửa đất 151 tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh; Phương thức cho vay: Từng lần; Lãi suất cho vay: Được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn: Theo quy định tại Giấy nhận nợ/Khế ước nhận nợ; Phương thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế, thời gian duy trì dư nợ thực tế và lãi suất tính theo tỷ lệ %/năm; Trả nợ gốc, lãi: Thực hiện theo kỳ trả nợ gốc, lãi cụ thể được các bên thoả thuận tại Khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ và các văn bản thỏa thuận khác có liên quan được ký giữa hai bên.

***Hợp đồng cho vay số QTH2609/2019/HĐCV ngày 26/09/2019 có nội dung:*** số tiền vay: 850.000.000 đồng *(Tám trăm năm mươi triệu đồng);* Thời hạn vay: 120 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng, mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình; Phương thức cho vay: Từng lần; Lãi suất cho vay: Được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Theo quy định tại Giấy nhận nợ/Khế ước nhận nợ; Phương thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế, thời gian duy trì dư nợ thực tế và lãi suất tính theo tỷ lệ %/năm; Trả nợ gốc, lãi: Thực hiện theo kỳ trả nợ

gốc, lãi cụ thể được các bên thoả thuận tại Khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ và các văn bản thỏa thuận khác có liên quan được ký giữa hai bên.

***Tài sản bảo đảm cho 03 khoản vay trên là:*** Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 29, diện tích: 246,0 m2, tại địa chỉ: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 398905, số vào sổ cấp GCN: CH000108/VP do UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 20/07/2012, mang tên ông Nguyễn V C. Theo Hợp đồng thế chấp, số công chứng: 853, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGG ký ngày 25/03/2019 tại Trụ sở phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Ninh giữa ông Nguyễn V C, bà Trương T N với Ngân hàng TMCP H H Việt Nam. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

***Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng, các bên đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như sau:*** Đối với Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ngày 10/08/2019, Ngân hàng TMCP H H Việt Nam đã cấp hạn mức thẻ tín dụng cho ông Nguyễn V C với số tiền 50.000.000 đồng. Đối với Hợp đồng cho vay số: QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019, Ngân hàng TMCP H H Việt Nam đã giải ngân cho ông Nguyễn V C số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 27/9/2019. Đối với Hợp đồng cho vay số QTH2609/2019/HĐCV ngày 26/09/2019, Ngân hàng TMCP H H Việt Nam đã giải ngân cho ông Nguyễn V C số tiền 850.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ lần thứ 02 ngày 27/9/2019. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn V C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký kết, dẫn đến các khoản vay bị nợ quá hạn kéo dài từ ngày 06/03/2020 đến nay. Mặc dù, Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng ông Nguyễn V C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP H H Việt Nam.

Nay Ngân hàng TMCP H H Việt Nam đề nghị Toà án giải quyết:

Yêu cầu ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải trả cho Ngân hàng TMCP H H Việt Nam tổng số nợ còn thiếu tại Hợp đồng tín dụng vay số: Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/08/2019; QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019 (kèm theo Khế ước nhận nợ) và Hợp đồng vay số: QTH 2609/2019/DHĐCV (kèm theo Khế ước nhận nợ) được ký giữa Ngân hàng TMCP H H Việt Nam với ông Nguyễn V C, bà Trương T N tạm tính đến ngày 25/5/2022 là:

Nợ gốc: 1.787.355.066 đồng; tiền lãi trong hạn: 431.109.970 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.701.839 đồng.

Tổng số: 2.244.166.875đ (Hai tỉ, hai trăm bốn bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bảy năm đồng).

Ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/05/2022 đến khi tất toán khoản vay theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/08/2019; Hợp đồng tín dụng vay số: QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019 (kèm theo Khế ước nhận nợ) và Hợp đồng vay số: QTH 2609/2019/HĐCV (kèm theo Khế ước nhận nợ) được ký giữa Ngân hàng TMCP H H Việt Nam với ông Nguyễn V C, bà Trương T N.

Trường hợp ông Nguyễn V C, bà Trương T N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP H H Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cụ thể:

(1) Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 398905 mang tên ông Nguyễn V C; thông tin: thửa đất số: 151; tờ bản đồ số: 29; diện tích: 246m$^2$; địa chỉ: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong cấp ngày 20/7/2012; số vào sổ cấp GCN: CH000108/VP.

(2) Toàn bộ tài sản trên đất.

Trường hợp phát mại tài sản trên mà không đủ thanh toán cho khoản vay thì ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

Về chi phí thẩm định: Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn V C, bà Trương T N trình bày:*

Vào năm 2019, do có nhu cầu vay tiền để thanh toán nốt số nợ tại thời điểm xây nhà của ngôi nhà nằm trên thửa đất số: 151; tờ bản đồ số: 29; diện tích: 246m2; địa chỉ: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng ông bà có đề xuất vay Ngân hàng TMCP H H Việt Nam.

Sau khi thỏa thuận thì vợ chồng ông bà có ký 02 hợp đồng gồm: Hợp đồng tín dụng vay số: QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019 (kèm theo Khế ước nhận nợ) và Hợp đồng vay số: QTH 2609/2019/HĐCV (kèm theo Khế ước nhận nợ) và 01 Hợp đồng phát hành thẻ với Ngân hàng TMCP H H Việt Nam.

Nội dung hợp đồng cụ thể như sau:

Ngày 10/08/2019, ông Nguyễn V C đã ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP H H Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Hồ Gươm – Phòng giao dịch Quán Thánh với nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tại Hợp đồng tín dụng vay số: QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019 (kèm theo Khế ước nhận nợ) có nội dung: Số tiền vay: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); Mục đích vay: Hoàn ứng vốn xây nhà; Lãi suất vay: thả nổi theo số dư nợ thực tế. Hình thức trả nợ: trả lãi và gốc hàng tháng theo Khế ước nhận nợ. Thời hạn trả nợ là: 120 tháng.

Tại Hợp đồng vay số: QTH 2609/2019/HĐCV (kèm theo Khế ước nhận nợ) có nội dung: Số tiền vay: 850.000.000đ (Tám trăm lăm mươi triệu đồng). Mục đích vay: Tiêu dùng, mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình. Lãi suất vay: thả nổi theo số dư nợ thực tế. Hình thức trả nợ: trả lãi và gốc hàng tháng theo Khế ước nhận nợ. Thời hạn trả nợ là: 120 tháng.

Nay Ngân hàng TMCP H H Việt Nam có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông phải trả cả nợ gốc và nợ lãi và nợ lãi quá hạn như tại bản sao kê, vợ chồng ông xác nhận hợp đồng vay, số nợ gốc và thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vợ chồng ông cũng đồng ý trả cả gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, tuy nhiên đang trong giai đoạn làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông đề nghị Ngân hàng giãn nợ để vợ chồng ông thu xếp trả dần. Ông đề nghị Ngân hàng giảm lãi để gia đình ông có khả năng trả nợ. Tuy có trình bày ý kiến, lời khai tại các buổi làm việc, hoà giải nhưng ông Công, bà Nga không ký tên vào các biên bản này, cố tình không hợp tác trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn trong vụ án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa tuân thủ theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ:

+ Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các Điều 317, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Các Điều 91, 92, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNNngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

+ Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H H Việt Nam.

+ Buộc ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải trả cho Ngân hàng TMCP H H Việt Nam tổng số nợ còn thiếu tại: Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/08/2019; Hợp đồng tín dụng vay số QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019 (kèm theo Khế ước nhận nợ) và Hợp đồng vay số: QTH 2609/2019/HĐCV (kèm theo Khế ước nhận nợ) được ký giữa Ngân hàng TMCP H H Việt Nam với ông Nguyễn V C, bà Trương T N tạm tính đến ngày 25/5/2022 là: Nợ gốc: 1.787.355.066 đồng; tiền lãi trong hạn: 431.109.970 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.701.839 đồng. Tổng số: 2.244.166.875đ (Hai tỉ, hai trăm bốn bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bảy năm đồng).

+ Trường hợp ông Nguyễn V C, bà Trương T N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP H H Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

+ Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Ngân hàng TMCP H H Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn V C, bà Trương T N có HKTT tại: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Căn cứ vào giao kết của các bên đều có mục đích lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp về dân sự. Đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cụ thể là của Tòa án nhân dân nhân dân cấp huyện; bị đơn có HKTT tại Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Yên Phong giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được tống đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay các bị đơn đều vắng mặt. Do vậy HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung:**

Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ông Nguyễn V C với Ngân hàng TMCP H H Việt Nam; Hợp đồng tín dụng vay số: QTH2509-01/2019/HĐCV ngày 25/09/2019 (kèm theo Khế ước nhận nợ) và Hợp đồng vay số: QTH2609/2019/ HĐCV ngày 26/09/2019 (kèm theo Khế ước nhận nợ) ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự về cho vay tài sản. Vì vậy xác định đây là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên, nên cần căn cứ vào các điều khoản quy định trong hợp đồng để xem xét giải quyết.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như các tài liệu chứng cứ do bên nguyên đơn cung cấp: Theo các giấy nhận nợ Ngân hàng cho vợ chồng ông Công, bà Nga vay số tiền là: 1.900.000.000đ (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Ông Công, bà Nga đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền lãi là: 100.278.066 đồng, gốc là: 112.644.934 đồng). Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là: 1.787.355.066 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi: Tại hợp đồng cho vay quy định lãi suất cho vay được xác định từ khi giải ngân theo thỏa thuận các bên điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Xét các quy định về lãi suất trong hợp đồng cho vay có hạn mức là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Theo phiếu tính lãi của Ngân hàng thì tính đến ngày đến ngày 25/5/2022, ông Nguyễn V C và bà Trương T N còn nợ Ngân hàng TMCP H H Việt Nam tổng số tiền là: 2.244.166.875đ (Hai tỉ, hai trăm bốn bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bảy năm đồng). Trong đó nợ gốc: 1.787.355.066 đồng; tiền lãi trong hạn: 431.109.970 đồng; nợ lãi quá hạn: 25.701.839 đồng. Việc tính lãi như trên là đúng theo hợp đồng cho vay có thời hạn và giấy nhận nợ, nên ông Công, bà Nga phải có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi trên cho Ngân hàng TMCP H H Việt Nam.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà ông Công, bà Nga phải trả cho Ngân hàng TMCP H H Việt Nam tính đến ngày đến ngày 25/5/2022 là: 2.244.166.875đ

(Hai tỉ, hai trăm bốn bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bẩy năm đồng).

Về tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất số BK 398905 mang tên ông Nguyễn V C; thông tin: thửa đất số: 151; tờ bản đồ số: 29; diện tích: 246m$^2$; địa chỉ: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong cấp ngày 20/7/2012; số vào sổ cấp GCN: CH000108/VP.

Các điều khoản trong hợp đồng thế chấp không trái với quy định của luật, không trái đạo đức xã hội, các bên thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bị đơn có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Việc Nguyên đơn yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, hoặc chỉ trả nợ được một phần là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

**[3] Về án phí và các chi phí tố tụng**:

- Về án phí: Ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP H H Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Ngân hàng TMCP H H Việt Nam đã nộp số tiền 10.000.000 đồng để chi phí cho việc xem xét thẩm định tài sản. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Nguyễn V C, bà Trương T N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên.

**Vì các lẽ trên;**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

- Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317, 318, 323, 353, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 92; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H H Việt Nam (MSB).

2. Buộc ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải trả cho Ngân hàng TMCP H H Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2022 là: 2.244.166.875đ (Hai tỉ, hai

trăm bốn bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bẩy năm đồng). Trong đó nợ gốc: 1.787.355.066 đồng (Một tỉ, bẩy trăm tám bẩy triệu, ba trăm năm năm nghìn, không trăm sáu sáu đồng); tiền nợ lãi là 456.811.809đ (Bốn trăm năm sáu triệu, tám trăm mười một nghìn, tám trăm linh chín đồng).

Kể từ ngày 26/5/2022, ông Nguyễn V C và bà Trương T N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn V C, bà Trương T N không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP H H Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 398905 mang tên ông Nguyễn V C; thông tin: thửa đất số: 151; tờ bản đồ số: 29; diện tích: 246m$^2$; địa chỉ: Thôn T X, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong cấp ngày 20/7/2012; số vào sổ cấp GCN: CH000108/VP.

+ Toàn bộ tài sản trên đất.

4. Về án phí: Ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải chịu 76.883.337đ (Bảy mươi sáu triệu, tám trăm tám ba nghìn, ba trăm ba bẩy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP H H Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.170.000đ (Ba mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 0004118 ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

5. Về chi phí xem xét thẩm định: Buộc ông Nguyễn V C, bà Trương T N phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H H Việt Nam 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã tạm ứng nộp tại Toà án trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./..

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh, huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ngô Xuân Hà**